

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 24-12-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1967

Nơi DKHKTT: Khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu tập thể Công ty Cổ phần Nhiệt điện P(địa chỉ: Khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C, tỉnh H). Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 86, đường Đ, khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị Len trình bày:

Anh L và chị L1 về chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn. Nguyên nhân là do anh L vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân với chị L1 tại thôn T, xã V, tỉnh H. Anh chị về chung sống với nhau tại phường P, thành phố C, tỉnh H từ đó cho đến nay. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh L trình bày là do chị L1 cư xử không đúng với anh và con riêng của anh dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Theo chị L1, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai anh chị là do chị có nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác nên anh L chửi bới, đối xử lạnh nhạt với mẹ con chị. Kể từ năm 2019, anh chị đã không còn chung sống với nhau. Anh L ra ngoài thuê nhà ở, còn chị L1 vẫn ở nhà của anh chị. Nay anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, nhất trí đề nghị Toà án xét xử cho anh chị ly hôn nhau.

Về con chung: Anh L và chị L1 có 01 con chung là Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 23/9/2002, hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành khoẻ mạnh nên khi ly hôn, anh chị đều không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản, nợ: Anh L và chị L1 có tài sản chung là nhà, đất tại số nhà 86, đường Đ, khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C, tỉnh H. Ngày 01 tháng 12 năm 2021, anh L và chị L1 đã tự thoả thuận phân chia và anh L rút yêu cầu khởi kiện về tài sản và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ.

Qua xác minh với cán bộ tư pháp phường P, phòng tư pháp-UBND thành phố C xác nhận: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu giữ từ năm 2001 trở lại đây không có tên đăng ký kết hôn là Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 trong sổ đăng ký kết hôn nên xác định anh L và chị L1 chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên tòa:

Anh L và chị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn

L và chị Nguyễn Thị L1 là vợ chồng; về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Anh L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn L khởi kiện xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L1 có địa chỉ cư trú tại khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị L1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ có đơn xin xử vắng mặt, anh L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L và chị L1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 chung sống với nhau từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Anh chị không đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn vì do lúc đó anh L vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân với chị H. Anh chị không đăng ký kết hôn vì không đủ điều kiện đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L1 là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau thời gian dài, anh chị chung sống hoà thuận, có con chung, có tài sản chung. Kể từ năm 2019, anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh L có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp.

[3]. Trước khi chung sống cùng chị L1, anh L đã đăng ký kết hôn với chị H, vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và chưa được Tòa án nào giải quyết cho ly hôn nhưng anh L và chị L1 vẫn về chung sống với nhau như vợ chồng, có con chung, có tài sản chung. Do hành vi vi phạm chế độ hôn nhân của anh L, chị L1 xảy ra từ năm 2001 đến nay, qua các thời kỳ tại địa phương, UBND phường P chưa phát hiện nên chưa có hình thức xử lý. Tòa án thành phố Chí Linh đã có công văn số 78 ngày 01/12/2021 yêu cầu UBND phường P xử phạt hành chính đối với anh L và chị L1 nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 5 Luật HN&GD; Điều 8 Nghị định 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình; Điều 48 Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án

dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì tại bản án này cần kiến nghị UBND phường P xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân gia đình của anh Lê chị Len theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 23/9/2002 hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh, bình thường nên tùy cháu muốn ở với ai thì ở, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Trong quá trình Toà oà án giải quyết vụ án, anh Lê và chị Len đã tự thoả thuận phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án đã ra quyết định chỉ giải quyết phần tài sản.

[2.4]. Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L1 là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002786 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường P, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Chu Thị Thu Hương